

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NỀN QUẢN TRỊ QUỐC GIA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

LƯƠNG THANH CƯỜNG*

Các quan điểm xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, bao gồm: bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; cùng hoạch định, cùng quyết định, cùng làm, cùng thụ hưởng, cùng chịu trách nhiệm và cùng kiểm soát các vấn đề quốc gia; các trụ cột chính là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN), Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, dân chủ XHCN, khoa học - công nghệ và dữ liệu lớn; gắn kết chặt chẽ giữa vấn đề quản trị quốc gia với quản trị xã hội, quản lý phát triển xã hội; khơi thông và phát huy tổng hợp các nguồn lực nội lực; huy động sự ủng hộ, chia sẻ, hỗ trợ của cộng đồng quốc tế. Bài viết đưa ra một số giải pháp, như: tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, phát triển năng lực quản trị quốc gia, hiện đại hóa nền quản trị quốc gia¹.

Từ khóa: Xây dựng và hoàn thiện; quản trị quốc gia; quản trị xã hội; hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. The perspectives on building and improving a modern, effective, and efficient system of national governance in Vietnam include: ensuring the leadership of the Communist Party; co-formulation, co-decision-making, co-implementation, co-benefit sharing, co-responsibility, and co-supervision of national issues; the main pillars being the socialist-oriented market economy, the socialist rule-of-law State of Vietnam, socialist democracy, science and technology, and big data; closely linking national governance with social governance and social development management; unlocking and promoting the combined strength of domestic resources; and mobilizing the support, sharing, and assistance of the international community. The article proposes several solutions, such as continuing to improve Vietnam's socialist rule-of-law State, developing national governance capacity, and modernizing the national governance system¹.

Keywords: Building and improving; national governance; social governance; modern, effective, and efficient.

NGÀY NHẬN: 18/02/2026

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/3/2026

NGÀY DUYỆT: 17/4/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.363.2026.1469>

1. Nền quản trị quốc gia Việt Nam

Ở phương diện lịch sử, trong Lời nói đầu của *Hiến pháp* năm 1946, xác định “Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và

kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ”.

Chủ tịch Hồ Chủ tịch nhiều lần nói đến

* PGS. TS, Học viện Hành chính và Quản trị công

“kiến thiết quốc gia” hoặc “kiến quốc”. “Chúng tôi muốn hoà bình để kiến thiết lại nước chúng tôi”², “Dù phải hy sinh xương máu để kiến thiết một nước nhà tự do hạnh phúc hoàn toàn, thì chúng tôi cũng sẵn sàng không ngần ngại”³, “Đoàn kết để kiến thiết nước nhà”⁴...

Một trong các nội dung đột phá chiến lược được nêu tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng là: “Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả”⁵. Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng tiếp tục xác định một trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030 là “... xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, được thực hiện nghiêm minh; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân”⁶.

Có thể thấy, “quản trị quốc gia” ở nước ta có sự kế thừa và phát triển tư tưởng “chính phủ kiến quốc” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định vào thực tiễn phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay - chính phủ kiến quốc, chính phủ kiến thiết quốc gia trên tất cả các phương diện kinh tế, văn hóa - xã hội, đối nội, đối ngoại, quốc phòng - an ninh... mà khái quát là “kiến quốc”. Đồng thời, ở phương diện tham khảo kinh nghiệm quốc tế, “quản trị quốc gia” mà Việt Nam đang triển khai có sự chọn lọc, vận dụng vào thực tiễn Việt Nam một số nội dung, yêu cầu của “quản trị tốt”, “quản trị nhà nước tốt”, như: về pháp quyền, minh bạch, trách nhiệm giải trình, sự tham gia của các bên liên quan, bảo đảm lợi ích các bên, trong đó chú trọng đến lợi ích của các nhóm yếu thế.

Quản trị quốc gia Việt Nam là cơ chế giải quyết các vấn đề quốc gia của Việt Nam, trong đó, Nhà nước và các bên liên quan cùng có trách nhiệm trong hoạch định, thực thi chính sách, pháp luật, trong huy động và quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước, tổ chức đời sống quốc gia, quản lý

phát triển xã hội hướng đến mục tiêu của kỷ nguyên mới của dân tộc vì một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong mối quan hệ với dân chủ XHCN, quản trị quốc gia được xem là một cơ chế thực hiện dân chủ XHCN, ở đó, người dân, doanh nghiệp, xã hội thể hiện nguyện vọng, phát huy năng lực, tự giác tham gia giải quyết các vấn đề quốc gia.

Ở góc độ thực tiễn, nền quản trị quốc gia Việt Nam được phát triển trên cơ sở kiểm nghiệm thực tiễn tính hợp quy luật của nguyên lý “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương thức “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Đồng thời, thụ hưởng thành quả do nền quản trị quốc gia mang lại là động lực để thu hút sự tham gia của các bên; cùng chịu trách nhiệm trước Tổ quốc là sự ràng buộc các bên với vận mệnh của đất nước.

2. Quan điểm xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả

Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới, xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả cần được dựa trên các quan điểm sau:

Thứ nhất, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng
Ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội và là trung tâm thống nhất về tư tưởng, chiến lược, quyết tâm chính trị và tổ chức của toàn bộ hệ thống quản trị quốc gia. Tính chính trị - pháp lý của sự lãnh đạo này được khẳng định trong *Hiến pháp* và đồng thời được xác lập bởi sứ mệnh thực tế của Đảng trong quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước. Sự lãnh đạo của Đảng là biểu hiện của ý chí lịch sử, niềm tin xã hội và sự đồng

thuận chính trị, được tích lũy, kiểm nghiệm qua thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Do đó, xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại ở Việt Nam không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho định hướng XHCN, tính liên tục và nhất quán của quá trình phát triển cũng như sức mạnh hội tụ của quốc gia, dân tộc.

Quản trị quốc gia có hiệu lực, hiệu quả phải được đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện, xuyên suốt của Đảng, trên cơ sở khoa học và thực tiễn. Nền quản trị quốc gia hiện đại đòi hỏi sự phối hợp hài hòa giữa các thiết chế quyền lực - lập pháp, hành pháp, tư pháp và giữa các chủ thể (Nhân dân, Nhà nước, thị trường, xã hội). Trong một mô hình phức hợp như vậy, cần có một trung tâm thống nhất về tư tưởng, chính trị, chiến lược và tổ chức thực hiện - đó chính là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng xác định đường lối, chủ trương, định hướng lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, bảo đảm quốc phòng - an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đây là cơ sở để Nhà nước cụ thể hóa thành chính sách, pháp luật và chương trình hành động.

Đảng lãnh đạo quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đảng có vai trò quyết định trong công tác cán bộ - nhân tố then chốt của quản trị quốc gia. Đảng trực tiếp quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, phát triển và kiểm soát đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị. Sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố nền tảng của hệ thống chính trị và là nguyên tắc cốt lõi trong xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam.

Thứ hai, sự tham gia có trách nhiệm trước Tổ quốc, Nhân dân của các bên có liên quan. Quá trình giải quyết các vấn đề quốc gia không chỉ là trách nhiệm của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của tất cả các bên liên quan trong toàn bộ chu trình của chính sách công: *hoạch định - tổ chức thực hiện - thụ hưởng - kiểm soát - đổi mới sáng tạo.*

Trong nền quản trị quốc gia ở Việt Nam, vai trò, trách nhiệm của Nhà nước là điều phối, dẫn dắt, tạo lập thể chế và kiến tạo môi trường để các chủ thể khác cùng tham gia; liên kết, phát huy năng lực, nguồn lực của các bên vào quá trình phát triển quốc gia. Đồng thời, tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, thúc đẩy hiệu quả chính sách và tạo sự đồng thuận xã hội sâu rộng.

Cộng đồng trách nhiệm trong hoạch định, thực thi chính sách, pháp luật, trong huy động và quản lý, sử dụng các nguồn lực của đất nước với các khía cạnh:

(1) *Trách nhiệm trong hoạch định:* người dân, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội không chỉ có quyền tham gia vào quá trình hình thành chính sách thông qua đối thoại chính sách, phản biện xã hội, góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật mà còn tham gia với trách nhiệm của một bên tham gia hoạch định;

(2) *Trách nhiệm trong quyết định:* cơ chế trung cầu ý dân, lấy ý kiến rộng rãi, vai trò của Quốc hội, Hội đồng nhân dân... là kênh để người dân có tiếng nói trong các quyết sách lớn. Đồng thời, khi tham gia các cơ chế này, người dân cũng có trách nhiệm với ý kiến của mình, bảo đảm ý kiến của mình tốt nhất có thể;

(3) *Trách nhiệm trong thực thi:* chính quyền, doanh nghiệp, người dân, các tổ chức xã hội có trách nhiệm cùng triển khai chính sách, pháp luật, chương trình phát triển, gánh vác trách nhiệm với cộng đồng, quốc gia, dân tộc;

(4) *Trách nhiệm trong phân phối*: Nhà nước, xã hội, người dân cùng tham gia quá trình phân bổ và kiểm soát quá trình này, bảo đảm công bằng, an sinh xã hội, thu hẹp bất bình đẳng, tạo điều kiện để mọi người dân đều được hưởng lợi từ quá trình phát triển quốc gia;

(5) *Trách nhiệm chia sẻ rủi ro*: trách nhiệm quản lý không chỉ thuộc về Nhà nước mà còn là trách nhiệm của các chủ thể liên quan, thông qua cơ chế trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp, nghĩa vụ công dân; xã hội, doanh nghiệp, người dân chia sẻ rủi ro cùng nhà nước;

(6) *Trách nhiệm trong kiểm soát*: xã hội, người dân, doanh nghiệp tham gia giám sát một cách chủ động, theo quy định của pháp luật, bảo đảm chính quyền các cấp hoạt động trong giới hạn quyền lực mà pháp luật trao và vì lợi ích chung.

Thứ ba, xây dựng nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở các trụ cột:

(1) *Kinh tế thị trường định hướng XHCN* - trụ cột vận hành hệ thống kinh tế trong quản trị quốc gia, giữ vai trò kiến tạo động lực phát triển, phân bổ hiệu quả nguồn lực; đồng thời bảo đảm vai trò chủ đạo của Nhà nước trong điều tiết vĩ mô, ổn định xã hội và bảo vệ các nhóm yếu thế. Từ góc độ quản trị, kinh tế thị trường định hướng XHCN đòi hỏi một hệ thống thể chế đồng bộ, minh bạch, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh; đồng thời, nâng cao năng lực điều tiết của Nhà nước thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ, đầu tư công và các công cụ phân phối lại. Quản trị quốc gia không thể hiệu quả nếu thiếu một nền kinh tế năng động, cạnh tranh và có định hướng rõ ràng.

(2) *Nhà nước pháp quyền XHCN* là trụ cột thiết lập nền tảng pháp lý, bảo đảm quyền lực trong khuôn khổ. Trong Nhà nước

pháp quyền XHCN, toàn bộ hoạt động quản trị tuân thủ *Hiến pháp* và pháp luật. Nhà nước pháp quyền XHCN tạo lập không gian pháp lý cho việc thiết kế và vận hành các thiết chế quản trị: quyền lực được phân công, phối hợp, kiểm soát; cơ chế giải trình rõ ràng; tư pháp độc lập; pháp luật có tính ổn định và khả thi cao, tạo niềm tin cho người dân, doanh nghiệp và thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

(3) *Dân chủ XHCN* là trụ cột về quyền lực Nhân dân trong quản trị quốc gia. Dân chủ XHCN là bản chất của chế độ chính trị ở Việt Nam; đồng thời, là mục tiêu và động lực của quản trị quốc gia. Trong mô hình quản trị hiện đại, dân chủ phải là cơ chế thực chất để người dân tham gia vào quá trình xây dựng chính sách, giám sát quyền lực và cùng quyết định các vấn đề quan trọng của quốc gia đúng với tinh thần “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Đồng thời, dân chủ gắn liền với kỷ cương, được tổ chức và định hướng trong khuôn khổ của pháp luật, vì sự phát triển của đất nước và mỗi cá nhân.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nêu rõ: “Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội... Thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở; chống các biểu hiện dân chủ hình thức”⁷.

(4) *Khoa học - công nghệ và dữ liệu lớn* là trụ cột hiện đại hóa phương thức quản trị quốc gia. Trong kỷ nguyên số, dữ liệu trở thành tài nguyên chiến lược, công nghệ là công cụ vận hành mới của chính quyền hiện đại, và khoa học là nền tảng cho hoạch định chính sách có cơ sở. Xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại không thể tách rời ba yếu tố: dữ liệu số, chuyển đổi số và quản trị dựa trên bằng chứng. Số hóa quy trình quản lý,

xây dựng chính phủ số, triển khai dữ liệu lớn trong dự báo và đánh giá chính sách, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ra quyết định là các giải pháp cốt lõi để tăng năng lực xử lý thông tin, rút ngắn thời gian phản ứng chính sách, cá thể hóa dịch vụ công và nâng cao minh bạch, công khai và hướng tới ra quyết định theo thời gian thực.

Mặt khác, khoa học - công nghệ, dữ liệu lớn chỉ phát huy tác dụng khi gắn liền với cải cách thể chế, xây dựng năng lực số cho đội ngũ công chức và bảo đảm an ninh dữ liệu quốc gia. Quản trị quốc gia nếu thiếu nền tảng số sẽ tụt hậu; nếu lệ thuộc công nghệ mà thiếu kiểm soát sẽ dẫn đến rủi ro về quyền riêng tư, bất bình đẳng thông tin và sai lệch chính sách.

Bốn trụ cột nêu trên bổ trợ và tương tác chặt chẽ với nhau, tạo nên một hệ sinh thái quản trị linh hoạt, thích ứng; đồng thời, bảo đảm định hướng XHCN đặc thù của Việt Nam. Mỗi trụ cột là một chức năng thiết yếu: kinh tế cung cấp nguồn lực; pháp quyền bảo đảm trật tự; dân chủ tạo động lực; khoa học, công nghệ, dữ liệu lớn tạo nên năng lực hiện đại hóa. Khi được kết nối trong một chỉnh thể thống nhất, các trụ cột này không chỉ tạo nên sức mạnh tổng hợp cho quốc gia mà còn là biểu hiện của một Nhà nước vững mạnh, nhân văn và có năng lực thích ứng cao trong thời đại chuyển hóa toàn diện.

Thứ tư, gắn kết chặt chẽ giữa quản trị quốc gia với quản trị xã hội, quản lý phát triển xã hội; bảo đảm phát triển hài hòa, bền vững, ổn định và đồng thuận. Nền quản trị quốc gia không thể tách rời quản trị xã hội trong bối cảnh phát triển phức hợp và toàn diện, bởi vì nền quản trị quốc gia hiện đại không chỉ là quản lý hành chính nhà nước mà bao gồm cả năng lực quản trị xã hội - năng lực định hướng, điều phối, tổ chức và kiểm soát các mối quan hệ xã hội nhằm đạt được trật tự, công bằng và phát triển bền

vững. Quản trị xã hội là nội dung cốt lõi của quản trị quốc gia, là không gian triển khai cụ thể các chính sách công và là nơi phản ánh trực tiếp hiệu lực, hiệu quả của chính sách, pháp luật. Do đó, không thể xây dựng một nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả nếu xem nhẹ quản trị xã hội. Ngược lại, quản trị xã hội muốn hiệu quả phải đặt trong tổng thể quản trị quốc gia với tầm nhìn chiến lược, công cụ thể chế và năng lực điều phối tổng hợp của Nhà nước.

Quản trị xã hội là công cụ để ổn định xã hội, duy trì trật tự, bảo đảm sự phát triển bao trùm và hài hòa. Quản trị xã hội hiệu quả giúp ổn định chính trị - xã hội, hạn chế mâu thuẫn xã hội, tăng khả năng thích nghi và đồng thuận của cộng đồng; thực hiện công bằng xã hội thông qua chính sách an sinh, phân phối lại thu nhập, hỗ trợ các nhóm yếu thế; thúc đẩy gắn kết xã hội, tạo dựng niềm tin, trách nhiệm công dân, tinh thần cộng đồng và lòng yêu nước; phát triển xã hội toàn diện không chỉ tăng trưởng kinh tế mà còn nâng cao chất lượng sống, chỉ số phát triển con người, sự tiến bộ văn hóa và đạo đức công dân.

Gắn kết quản trị xã hội và quản lý phát triển xã hội để tăng tính điều phối tổng thể, tạo thành sức mạnh tổng lực, tránh manh mún, cục bộ. Cần tích hợp và gắn kết quản trị xã hội với quản lý phát triển xã hội theo hướng: (1) Thể chế xã hội tổng hợp thống nhất hóa chính sách xã hội trong một hệ khung tích hợp, xác định rõ vai trò của các chủ thể (Nhà nước, thị trường, xã hội), bảo đảm phối hợp hiệu quả giữa các bộ, ngành, các cấp chính quyền; (2) Dữ liệu xã hội liên thông: xây dựng hệ thống dữ liệu xã hội số, liên kết các ngành, địa phương, thiết lập bản đồ số về nhu cầu - rủi ro - năng lực xã hội; (3) Ngân sách xã hội thông minh tích hợp ngân sách xã hội theo hướng linh hoạt, có khả năng phản ứng nhanh, ưu tiên cho các

nhóm dễ tổn thương, vùng khó khăn; (4) Chính sách xã hội số hóa, cá thể hóa ứng dụng công nghệ để điều chỉnh chính sách theo nhu cầu thực tế của từng nhóm dân cư.

Phát huy vai trò của xã hội, cộng đồng và các tổ chức xã hội trong quản trị xã hội có ý nghĩa quan trọng trong quản trị quốc gia. Gắn kết chặt chẽ giữa quản trị xã hội với phát triển xã hội còn đòi hỏi phát triển năng lực xã hội tự thân - năng lực của cộng đồng tự tổ chức, tự điều chỉnh, tự hỗ trợ lẫn nhau trong giải quyết các vấn đề của xã hội, giảm phụ thuộc vào Nhà nước và tăng cường tính tự lực của xã hội. Qua đó, Nhà nước không cần phải can thiệp quá mức song trật tự xã hội vẫn được duy trì bởi các quy tắc, giá trị và sự tự kiểm soát, tự điều chỉnh của xã hội.

Thứ năm, giải phóng, khơi thông và phát huy tổng hợp các nguồn lực nội lực - động lực cốt lõi để nâng cao năng lực tự chủ và sức bật phát triển của nền quản trị quốc gia. Nội lực là nền tảng phát triển bền vững, quyết định năng lực tự chủ và sức đề kháng quốc gia. Nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả phải đặt trọng tâm vào việc kích hoạt và tổ chức lại các nguồn lực nội sinh. Trong giai đoạn hiện nay ở nước ta, các nhóm nguồn lực nội lực cần được phát huy đồng bộ và tổng lực:

(1) *Nguồn lực thể chế.* Một thể chế tốt sẽ tạo động lực cho mọi chủ thể trong xã hội phát huy nội lực. Thể chế ở đây không chỉ là pháp luật mà bao gồm cả hệ thống quy tắc quản trị nội bộ, cơ chế điều hành, năng lực thực thi, trách nhiệm giải trình và văn hóa tổ chức. Cải cách thể chế là “chìa khóa” để nội lực được khai mở.

(2) *Nguồn lực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.* Đây là nguồn lực then chốt trong nền kinh tế tri thức. Nhiều quốc gia đã chứng minh rằng, sáng tạo nội sinh có thể thay thế thiếu hụt tài nguyên tự nhiên. Do

đó, cần tập trung phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, nâng cao đầu tư vào nghiên cứu phát triển, thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - cơ sở giáo dục đại học.

(3) *Nguồn lực xã hội - cộng đồng.* Tinh thần cộng đồng, lòng yêu nước, văn hóa dân tộc, các giá trị truyền thống, đạo đức xã hội, mạng lưới xã hội và năng lực tự tổ chức của người dân là sức mạnh mềm đặc biệt quan trọng. Một xã hội đoàn kết, biết chia sẻ, có trách nhiệm công dân cao sẽ tạo nên nền tảng vững chắc cho sự ổn định và phát triển quốc gia.

Thể chế hóa các cơ chế để phát huy nguồn lực nội lực một cách thực chất và hiệu quả theo hướng thiết kế thể chế kích hoạt nguồn lực, chuyển từ cơ chế “quản lý” sang “kích hoạt”, từ “xin - cho” sang “tự chủ, tự chịu trách nhiệm”, từ “cứng nhắc” sang “linh hoạt theo kết quả và hiệu quả đầu ra”; phát huy đầy đủ quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tiếp cận cơ hội công bằng cho mọi cá nhân, tổ chức, qua đó, tạo động lực để người dân đầu tư vào chính bản thân và cộng đồng mình; tạo dựng hệ thống đo lường và đánh giá hiệu quả sử dụng nội lực, gắn với các chỉ số phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo, năng lực cạnh tranh địa phương và sự hài lòng của người dân.

Việc phát huy tổng hợp các nguồn lực nội lực là điều kiện sống còn để nâng cao năng lực quản trị quốc gia, bảo đảm sự phát triển tự chủ và bền vững của đất nước. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng đưa ra quan điểm: “Khơi dậy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, ý chí tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc; phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển”⁸.

3. Một số giải pháp tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả

3.1. Tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước có hiệu lực, hiệu quả

Trong hệ thống thể chế của nền quản trị quốc gia hiện đại, nhà nước pháp quyền giữ vai trò là trụ cột nền tảng, vừa thiết lập giới hạn quyền lực, vừa bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và điều phối toàn bộ hoạt động của bộ máy công quyền theo nguyên tắc hợp hiến, hợp pháp, phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực, minh bạch, có trách nhiệm giải trình. Ở nước ta, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN không chỉ là một định hướng phát triển thể chế mà còn là yêu cầu chính trị - pháp lý căn bản để tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước trong điều kiện một đảng lãnh đạo, bảo đảm hài hòa giữa tính dân chủ, kỷ cương và hiệu lực, hiệu quả thực thi quyền lực công.

Một là, tiếp tục nâng cao chất lượng pháp luật: Xây dựng pháp luật cần chuyển từ tư duy “pháp lý hóa chính sách” sang tư duy “thiết kế thể chế dựa trên vấn đề”, trong đó pháp luật không chỉ nhằm cụ thể hóa chủ trương mà phải là kết quả của quá trình phân tích, đánh giá thực tiễn và phản biện khoa học đầy đủ. Pháp luật phải trở thành công cụ thực sự có giá trị để điều chỉnh hành vi xã hội, định hình cấu trúc quyền lực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; là công cụ của cải cách và đổi mới; tạo lập không gian pháp lý rộng mở và an toàn cho sự phát triển quốc gia, dân tộc cũng như mỗi cá nhân, tổ chức. Chuyển cơ chế điều chỉnh của pháp luật từ “kiểm soát hành vi” sang “định hướng, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển”. Hệ thống pháp luật cần được thực hiện với chi phí tuân thủ thấp, tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế. Thực hiện “Đổi

mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển” và “Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể là các cá nhân, tổ chức không mang quyền lực nhà nước (quy phạm pháp luật tư) được thiết kế theo hướng chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc; các nội dung cụ thể để các chủ thể tự thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu, lợi ích, quyền tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm của mình trên tinh thần không vi phạm điều cấm của luật, phát huy tính năng động, sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tạo động lực quan trọng để huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng phục vụ phát triển đất nước”⁹.

Hai là, pháp luật phải minh định rõ lợi ích các bên có thể được thụ hưởng trên nguyên tắc tương xứng với sự đóng góp của các bên và có đặc thù đối với các nhóm yếu thế và các đặc thù khác (vùng, miền,...). Trong nền kinh tế thị trường, chỉ khi rõ được lợi ích và lợi ích đó đủ sức hấp dẫn thì mới góp phần gia tăng động lực thúc đẩy sự tham gia của các bên. Không tách rời với lợi ích, ở chiều ngược lại, pháp luật minh định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm các bên với nguyên tắc quyền không tách rời nghĩa vụ. “Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, do vậy, giải quyết các vấn đề quốc gia không phải là công việc của một riêng chủ thể nào. Để vận hành được nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, cần có sự tham gia có trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội... Lợi ích là để thu hút, trách nhiệm là để ràng buộc cùng tạo nên cơ sở để thể chế xác lập, gia tăng niềm tin giữa Nhà nước với các bên trong quá trình giải quyết các vấn đề quốc gia.

Ba là, pháp luật phải tạo được niềm tin giữa Nhà nước với các bên liên quan trong quá trình giải quyết các vấn đề quốc gia để

tạo môi trường cho sự đồng thuận, thống nhất ý chí, khát vọng, nguồn lực phục vụ phát triển quốc gia.

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về các văn kiện trình Đại hội XIV nêu rõ: “Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng không đến từ lời nói mà đến từ việc làm, từ sự công tâm, liêm chính của cán bộ, từ hiệu quả của bộ máy, từ sự công bằng trong thụ hưởng, từ kết quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, giải quyết kịp thời, thấu đáo những bức xúc chính đáng của người dân, doanh nghiệp”¹⁰.

Bốn là, trong cơ chế điều chỉnh của pháp luật, nhất thiết phải có một không gian pháp lý cho: (1) Các thử nghiệm đối với những mô hình phát triển thử nghiệm, thí điểm, mới; (2) Hoặc dự trừu phương án/kịch bản cho sự vận hành của đời sống xã hội trong trạng thái/tình huống bất thường (như: thiên tai, hỏa hoạn, bão lũ, dịch bệnh, sự cố môi trường, xung đột vũ trang...) xuất hiện. Điều này góp phần bảo đảm cho việc quốc gia, tổ chức, cá nhân linh hoạt, thích ứng với sự biến đổi/xuất hiện của các yếu tố bất định, kịp thời chuyển đổi trạng thái để phù hợp sự thay đổi của bối cảnh, môi trường.

Cần có ít nhất hai cơ chế quản lý, quản trị tồn tại song song: (1) Quản lý, quản trị trong trạng thái bình thường và (2) Quản lý, quản trị trong trạng thái bất thường/khẩn cấp. Đồng thời là sự minh bạch điều kiện kích hoạt/chuyển cơ chế quản lý, quản trị từ trạng thái bình thường sang trạng thái bất thường/khẩn cấp và ngược lại; sự chuẩn bị cho việc chuyển đổi hai trạng thái cả ở cấp độ vĩ mô, vi mô.

Năm là, hiệu lực, hiệu quả của pháp luật vừa dựa trên sự tôn trọng, tuân thủ của các bên liên quan (điều kiện cần), vừa đòi hỏi đây là sự thực thi chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm trước quốc gia và với chính bản thân của các bên liên quan, trước hết là từ chính

Nhà nước, với khát vọng vì quốc gia; ý thức được phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân là một vinh dự (điều kiện đủ). Cùng với đó là cơ chế kiểm soát, phòng ngừa lệch chuẩn, vi phạm một cách chủ động, từ sớm, từ xa; xử lý vi phạm kịp thời, nghiêm minh, công bằng, minh bạch; các nguồn lực trong xã hội được khơi thông, liên kết, sử dụng có trách nhiệm, hiệu quả. Một quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng là: “tăng cường kiểm soát quyền lực, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ”¹¹.

Sáu là, cùng với xác định trọng tâm là kiểm soát quyền lực nhà nước, phòng, chống tham nhũng ở khu vực công và không xem nhẹ kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng ở khu vực tư. Kiểm soát quyền lực để bảo đảm quyền lực được vận hành, sử dụng theo đúng sự lãnh đạo của Đảng, ý chí, lợi ích của Nhân dân, quốc gia, dân tộc và có hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và trước hết là “tuyệt đối không để cài cắm lợi ích, tác động tiêu cực đến cấu trúc hệ thống pháp luật”¹².

Bảy là, tiếp tục cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo hướng đề cao nguyên tắc pháp quyền. Mỗi thiết chế công quyền, từ lập pháp, hành pháp đến tư pháp ở trung ương và địa phương đều phải được xác lập vai trò, trách nhiệm, giới hạn quyền lực và cơ chế kiểm soát rõ ràng, gắn với trách nhiệm giải trình công khai, minh bạch. Việc tổ chức các cơ quan nhà nước cần dựa trên nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm soát quyền lực; đồng thời, bảo đảm sự thống nhất quyền lực trong thể chế chính trị một đảng lãnh đạo. Xây dựng, vận hành được bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong nội bộ Đảng và giữa Đảng với Nhà nước, bảo đảm Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, chủ trương lớn; Nhà nước điều hành đời sống

sống xã hội bằng quy hoạch, kế hoạch, pháp luật có hiệu lực, hiệu quả và minh bạch.

Tiếp tục rà soát để phân định rõ ràng, rành mạch chức năng, nhiệm vụ của từng cấp (Trung ương - tỉnh - xã/phường/đặc khu), từng cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước. Khắc phục triệt để tình trạng nhiều cơ quan cùng làm một việc, hoặc không ai chịu trách nhiệm chính, dẫn tới lãng phí nguồn lực, đùn đẩy trách nhiệm và giảm hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật. Việc thiết kế tổ chức phải dựa trên mô hình quản trị theo chức năng, trong đó mỗi một cơ quan hành chính nhà nước được xác định theo nhiệm vụ cốt lõi gắn với kết quả đầu ra, được kiểm soát bởi hệ thống đánh giá hiệu suất và trách nhiệm giải trình rõ ràng.

Bộ máy hành chính nhà nước chuyển mạnh từ “quản lý duy trì ổn định” sang “điều phối và kiến tạo phát triển”, bảo đảm sự tham gia của xã hội, thị trường, cộng đồng khoa học; tích hợp đa nhiệm vụ, chuyển đổi số toàn diện và kiểm soát hiệu quả thông qua công cụ pháp lý và dữ liệu.

Các tổ chức hành chính cấu thành cơ quan hành chính nhà nước (vụ, sở, phòng, ban...), cần được tổ chức theo mô hình ma trận linh hoạt, gắn nhiệm vụ với kết quả cụ thể, kết nối chéo giữa các cơ quan chuyên môn, nhất là trong những lĩnh vực có tính liên ngành (như: môi trường, chuyển đổi số, quy hoạch đô thị hay phát triển vùng...).

Cùng với đó, việc phân định rạch ròi giữa chức năng quản lý nhà nước và chức năng cung cấp dịch vụ công là yêu cầu cấp thiết. Việc tách bạch rõ vai trò “thiết kế chính sách” và “cung ứng dịch vụ” sẽ góp phần nâng cao chất lượng quản trị, gia tăng trách nhiệm và tạo không gian cho xã hội tham gia cung cấp dịch vụ công một cách công bằng, minh bạch, hiệu quả.

Phân quyền, phân cấp thực chất cho chính quyền địa phương, loại bỏ “xin - cho”,

“phê duyệt”, “báo cáo trước khi quyết định” theo đúng tinh thần “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương tự chịu trách nhiệm”. Phân quyền không chỉ là việc chuyển giao nhiệm vụ mà là trao quyền gắn với nguồn lực, cơ chế phối hợp và trách nhiệm chính trị rõ ràng. Mỗi cấp chính quyền cần được xác định rõ phạm vi quyền hạn và năng lực thể chế phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội, biến động quy mô dân cư và tính chất quản lý lãnh thổ.

Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước cần chuyển hướng thành bộ máy “hậu hành chính”, nơi các công cụ điều hành truyền thống được thay thế hoặc hỗ trợ bởi dữ liệu lớn, nền tảng số, hệ thống phân tích chính sách và kiểm soát theo thời gian thực. Việc tái cấu trúc bộ máy trong kỷ nguyên số không chỉ là áp dụng công nghệ, mà là tái lập lại toàn bộ luồng thông tin - quyết định - hành động - kiểm soát, tăng cường khả năng ra quyết định dựa trên bằng chứng và dữ liệu.

Tám là, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng, tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự Tổ quốc, tôn trọng Nhân dân, phục vụ Nhân dân, đổi mới sáng tạo và chịu trách nhiệm trước dân, có năng lực tổ chức thực thi pháp luật. Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, từng bước chuyển từ mô hình “chấp hành mệnh lệnh” sang mô hình “thực thi vì mục tiêu phục vụ và tạo giá trị công”, với chuẩn mực pháp lý rõ ràng, cơ chế khuyến khích đổi mới và hệ thống đánh giá, khen thưởng, kỷ luật công khai, minh bạch, có thể đo lường được. Một trong các đột phá chiến lược được Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV đưa ra là: “... tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, trọng tâm là cấp chiến lược và cấp cơ sở, nhất là người đứng đầu”¹³, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý thật sự tiêu biểu, có tư duy, năng lực quản trị tiên tiến, phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu phát triển bứt phá của đất nước.

Chín là, phát triển các thiết chế tư pháp độc lập, liêm chính, hiệu lực, hiệu quả. Nền tư pháp trong nhà nước pháp quyền XHCN phải thực hiện được sứ mệnh là bảo vệ công lý, bảo vệ *Hiến pháp* và pháp luật, bảo đảm, bảo vệ quyền con người và quyền công dân. Bảo đảm tính độc lập của cơ quan tư pháp, củng cố cơ chế tố tụng tranh tụng, nâng cao năng lực thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư... là các điều kiện thiết yếu để thực hiện nguyên tắc pháp quyền một cách thực chất.

3.2. Phát triển năng lực quản trị quốc gia

Năng lực quản trị quốc gia là biểu hiện tổng hợp của trình độ tổ chức và điều hành quyền lực công, năng lực kiến tạo phát triển, khả năng giải quyết vấn đề công và mức độ huy động, phối hợp, kiểm soát các nguồn lực xã hội để phục vụ lợi ích chung. Trong điều kiện chuyển đổi mô hình phát triển, gia tăng cạnh tranh toàn cầu, chuyển đổi số, bất định và phức hợp ngày càng trở thành đặc tính nền tảng của môi trường quản trị, việc nâng cao năng lực quản trị quốc gia không chỉ là yêu cầu về hiệu quả hành chính mà là điều kiện cốt lõi để duy trì tính chính danh, sức cạnh tranh và khả năng tự chủ của nhà nước hiện đại.

Trong mô hình quản trị hiện đại, năng lực quản trị quốc gia không chỉ được đo lường thông qua bộ máy hành chính hay pháp luật mà phải được nhìn nhận như một hệ thống tích hợp nhiều năng lực: (1) Tư duy chiến lược; (2) Tổ chức thực thi; (3) Điều phối chính sách đa ngành, đa cấp; (4) Phản ứng với khủng hoảng và bất định, quản trị rủi ro; (5) Đổi mới thể chế; (6) Huy động sự tham gia sâu rộng của xã hội; (7) Ra quyết định dựa trên dữ liệu và bằng chứng. Do đó, định hướng nâng cao năng lực quản trị quốc gia cần dựa trên cách tiếp cận hệ thống, kết hợp giữa cải cách thể chế, phát triển con người, ứng dụng khoa học - công nghệ.

Một trụ cột trung tâm trong năng lực quản trị là năng lực hoạch định và tổ chức thực thi chính sách công. Nâng cao năng lực hoạch định chính sách đòi hỏi phải xây dựng hệ thống thông tin, dữ liệu đa ngành, tăng cường phân tích tác động chính sách, tổ chức quy trình chính sách mở và tạo cơ chế phản hồi từ xã hội ngay trong quá trình xây dựng văn bản pháp luật. Chính sách không thể chỉ “ban hành từ trên xuống” mà phải “được kiến tạo cùng với xã hội” và được “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”.

Năng lực điều phối liên ngành, liên cấp, liên vùng là một chỉ tiêu then chốt thể hiện trình độ quản trị hiện đại. Trong môi trường mà các vấn đề công ngày càng đan cài (như: môi trường, đô thị, y tế, giáo dục, số hóa...), việc quản trị chia cắt theo ngành, địa phương độc lập là rào cản lớn đối với hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật. Cần hình thành các thiết chế điều phối liên ngành, hội đồng chính sách liên vùng và các cơ chế ngân sách linh hoạt nhằm thúc đẩy liên kết thể chế. Nhà nước giữ vai trò và có trách nhiệm là “trục điều phối chiến lược” thay vì chỉ là “trung tâm quyền lực hành chính”.

Năng lực phản ứng chính sách và quản trị, kiểm soát rủi ro trở thành tiêu chí quan trọng để đánh giá năng lực quốc gia. Trong thế giới nhiều biến động (thiên tai, dịch bệnh, đến khủng hoảng tài chính hay công nghệ, biến đổi khí hậu, an ninh nước, an ninh lương thực, khủng bố...) thì một hệ thống quản trị hiện đại cần có khả năng phát hiện sớm, dự báo chính xác và phản ứng nhanh. Điều này không thể có nếu thiếu hệ thống dữ liệu thời gian thực, đội ngũ chuyên gia phân tích rủi ro chuyên nghiệp, cơ chế ra quyết định khẩn cấp linh hoạt và quy trình đánh giá chính sách hậu thực thi. Nhà nước không thể chỉ quản trị trong điều kiện “ổn định giả định”, mà phải có khả năng “quản trị bất định”.

Một cấu phần cốt lõi trong năng lực quản trị quốc gia là năng lực học hỏi thể chế và đổi mới chính sách. Quản trị quốc gia hiện đại không thể duy trì mô hình “điều hành theo kinh nghiệm” mà phải chuyển sang “quản trị dựa trên bằng chứng”. Điều này đòi hỏi xây dựng năng lực thể chế học tập thông qua hệ thống phản hồi xã hội, dữ liệu mở, đánh giá chính sách độc lập và cơ chế thí điểm thể chế cho phép học hỏi từ mô hình mới. Thực tiễn cho thấy, quốc gia nào biết học hỏi thể chế nhanh hơn, phản ứng linh hoạt hơn và sẵn sàng đổi mới chính sách thường xuyên hơn - quốc gia đó sẽ có lợi thế vượt trội.

Đồng thời, trong thời đại số, năng lực số hóa, dữ liệu hóa, tự động hóa là động năng mới cho năng lực quản trị quốc gia. Một chính quyền hiện đại không thể thiếu hạ tầng dữ liệu, nền tảng số kết nối các cấp, ngành, địa phương và công cụ hỗ trợ ra quyết định bằng AI hoặc phân tích dữ liệu lớn. Chuyển đổi số không chỉ là ứng dụng công nghệ vào hành chính công mà là tái cấu trúc toàn bộ quy trình hoạch định, thực thi, giám sát chính sách, hướng tới quản trị thông minh, minh bạch và chủ động.

Như vậy, định hướng nâng cao năng lực quản trị quốc gia cần được tiếp cận như một chiến lược quốc gia lâu dài, bao gồm: cải cách thể chế, phát triển năng lực con người, ứng dụng công nghệ, đổi mới công vụ và xây dựng văn hóa học hỏi trong toàn bộ hệ thống chính trị - hành chính và trong toàn xã hội. Đây là yếu tố cốt lõi để bảo đảm Nhà nước có thể thích ứng hiệu quả, vững vàng kiến tạo phát triển và dẫn dắt xã hội trong bối cảnh thế giới biến động không ngừng.

3.3. Hiện đại hóa nền quản trị quốc gia

Hiện đại hóa thể chế theo hướng quản trị kiến tạo phát triển, linh hoạt và lấy kết quả làm trung tâm. Trong đó, chính sách cần được thiết kế theo mô hình “thể chế học

tập”, có khả năng điều chỉnh theo phản hồi xã hội, cập nhật thông tin thời gian thực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chấp nhận thử nghiệm. Chuyển từ “quản trị quy trình” sang “quản trị theo kết quả và hiệu quả đầu ra”, trong đó mỗi thiết kế thể chế đều gắn với mục tiêu đo lường được, có trách nhiệm giải trình và đánh giá tác động thường xuyên. Chính sách cần mở rộng biên độ linh hoạt, tạo hành lang pháp lý cho thử nghiệm các công cụ, phương thức quản lý mới và sự tham gia xã hội, doanh nghiệp, người dân.

Phát triển chính phủ số, dữ liệu số và nền tảng điều hành số trong quản trị quốc gia, đặc biệt chính phủ số không chỉ là số hóa thủ tục hành chính mà là chuyển đổi toàn diện phương thức điều hành công quyền: quyết định dựa trên dữ liệu, bằng chứng; vận hành tự động hóa; xử lý vấn đề theo thời gian thực. Xây dựng kiến trúc tổng thể chính phủ số đồng bộ, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia mở, tích hợp các hệ thống thông tin từ trung ương đến địa phương và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data), AI để nâng cao năng lực hoạch định - quản lý - kiểm soát - dự báo.

Nâng cao năng lực cạnh tranh thể chế thông qua cải cách hành chính và môi trường kinh doanh, trong đó tiếp tục đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục, chuẩn hóa quy trình dịch vụ công, cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết, minh bạch hóa toàn bộ thông tin hành chính - pháp lý; thực hiện liên thông, kế thừa thủ tục hành chính để tránh trùng lặp, giảm thiểu tối đa giới hạn địa giới hành chính đối với thủ tục hành chính. Phát triển các mô hình hành chính số, dịch vụ công trực tuyến toàn trình và các trung tâm điều hành thông minh ở cấp bộ, cấp tỉnh.

Hiện đại hóa năng lực tổ chức và thực thi chính sách thông qua chuyên nghiệp hóa đội ngũ cán bộ, công chức. Theo đó, thực

hiện quản lý theo vị trí việc làm; tuyển dụng, sử dụng, bố trí theo năng lực thực; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng quản trị rủi ro, phân tích chính sách và truyền thông công. Thiết kế hệ thống đánh giá hiệu quả công vụ theo mục tiêu cụ thể, gắn với kết quả, hiệu quả công việc và sự hài lòng của người dân. Cùng với đó, thúc đẩy văn hóa đổi mới, học hỏi và đạo đức công vụ trong toàn bộ hệ thống chính trị.

Quốc tế hóa tiêu chuẩn quản trị công và chủ động hội nhập thể chế. Việt Nam cần chủ động tiếp thu và nội luật hóa các chuẩn mực quản trị hiện đại của khu vực và thế giới, như: quản trị dựa trên bằng chứng, quản lý ngân sách theo kết quả, quản lý rủi ro thể chế, quản trị mở và đồng kiến tạo chính sách... Hợp tác chia sẻ dữ liệu, tiêu chuẩn hóa hệ thống đo lường hiệu quả quản trị công theo thông lệ quốc tế là điều kiện để nâng cao vị thế, tính chính danh và sức cạnh tranh toàn diện của nền quản trị quốc gia Việt Nam.

Hiện đại hóa và nâng cao sức cạnh tranh của nền quản trị quốc gia cần được định hình là một chiến lược dài hạn, xuyên suốt và toàn diện, trong đó chính sách vừa hướng vào công cụ quản trị vừa hướng vào phương thức tổ chức quyền lực, tạo lập giá trị công và nâng cao niềm tin của người dân đối với Nhà nước. Đây chính là điểm hội tụ của các cải cách thể chế, đổi mới công vụ, chuyển đổi số và phát triển con người, hướng tới một mô hình quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, công bằng và thích ứng cao.

4. Kết luận

Những quan điểm và giải pháp đề xuất trên góp phần làm rõ thêm nhận thức về xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả - một trong đột phá chiến lược đã được khởi xướng từ Đại

hội lần thứ XIII của Đảng và tiếp tục được khẳng định trong Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng. Các quan điểm, giải pháp nêu trên cần được hiện thực hóa với quyết tâm chính trị, tổ chức thực hiện đồng bộ để tạo nên sức mạnh tổng hợp, tổng lực trong toàn xã hội nhằm góp phần bảo đảm quá trình phát triển đất nước trong Kỷ nguyên mới. □

Chú thích:

1. Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của Đề tài “*Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả: Cơ sở lý luận, thực tiễn và định hướng chính sách*”, mã số KX.04.05/21-25.

2. Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 5. <http://hochiminh.vn>, truy cập ngày 20/12/2025.

3, 4. Hồ Chí Minh toàn tập. Tập 4. <http://hochiminh.vn>, truy cập ngày 20/12/2025.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 203.

6, 8, 11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Tập II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 382 - 383, 373, 375.

7, 10, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 121 - 122, 39, 137.

9, 12. Bộ Chính trị (2026). *Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.

2. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.

3. Bộ Chính trị (2026). *Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước*.